

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 12-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hằng

Ông Lê Doãn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TL-HSST ngày 07 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Bàn Văn M. Sinh ngày 13/01/1991. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Sầm Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Bàn Thị B, sinh năm 1973; Vợ là Dương Thị L, sinh năm 1991; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo Lăng Văn Đ. Sinh ngày 14/6/1976. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Lăng Văn Phường (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1948; Vợ là Ngô Thị T, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 09/5/2001, bị Công an huyện B bắt về hành vi đánh bạc. Ngày 22/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 20/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh Lạng Sơn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng. Ngày 05/9/2013, Tòa án nhân dân huyện B xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt 15 tháng tù. Ngày 25/10/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tuyên y án sơ thẩm. Ngày 30/5/2014, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị can đã chấp hành xong toàn bộ bản án, xác định đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 21/7/2020 đến nay. Có mặt.

3. Bị cáo Vy Văn T1. Sinh ngày 08/8/1993. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Quang Trung, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Vy Văn T, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1966; Vợ là Lâm Thị T, sinh năm 1998; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến nay. Có mặt.

4. Bị cáo Bàn Văn N, sinh ngày 08/11/1992. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Thiện Hòa, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Sầm Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Bàn Thị B, sinh năm 1973; Vợ là Vy Thị S, sinh năm 1993; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến nay. Có mặt.

5. Bị cáo Bàn Văn X, sinh ngày 26/10/1984. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Bàn Nguyên M, sinh năm 1942 và bà Triệu Thị S, sinh năm 1940; Vợ là Lưu Thị H, sinh năm 1992; Có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2020 đến ngày 25/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh đến nay. Có mặt.

6. Bị cáo Nguyễn Thành N, sinh ngày 17/02/1989. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1963 và Hoàng Thị U, sinh năm 1964; Vợ là Lâm Thị L, sinh năm 1990; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử về hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lãng Văn Đ: Luật sư Dương Công Đáp, cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 50 phút ngày 21/7/2020, các bị cáo Lăng Văn Đ, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N đến nhà bị cáo Bàn Văn M chơi. Do trời mưa nên bị cáo Bàn Văn M gợi ý việc mua gà về tổ chức ăn uống, nhưng không có người chịu bỏ tiền ra mua gà nên bị cáo Bàn Văn M gợi ý đánh bạc. Các bị cáo thống nhất với nhau mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đánh bạc, ai thua hết số tiền trên thì không được đánh nữa, ai thắng sẽ bỏ tiền đi mua thức ăn. Hình thức đánh bạc là đánh “liêng”, sát phạt nhau bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do bộ tú lơ khơ tại phòng ngủ của bị cáo Bàn Văn M không đủ quân bài nên bị cáo Minh đã bảo bị cáo Vy Văn T1 đi mua bộ tú lơ khơ mới 52 quân. Chuẩn bị dụng cụ xong, tất cả xuống phòng hát karaoke số 02 dưới tầng hầm nhà ở của bị cáo Bàn Văn M ngồi thành vòng tròn giữa phòng hát và đánh bạc. Các bị cáo sử dụng bộ tú lơ khơ chia mỗi người ba quân bài, thống nhất mỗi ván mỗi người đặt ra trước mặt số tiền cược là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), sau đó kiểm tra kết quả quân bài được chia. Bài của ai cao nhất thì người đó thắng và được tất cả số tiền cược. Cách tính bài thắng thua theo thứ tự từ cao xuống thấp, cao nhất là Sáp, tiếp đến là Liêng, rồi đến Ảnh, nếu không ai có Sáp, Liêng, Ảnh thì tính điểm để phân định thắng thua. Cụ thể từng cách tính như sau:

Sáp là ba quân bài theo hàng ngang có cùng chữ hoặc số, sáp át (ba quân A) là cao nhất, tiếp đến là sáp K (ba quân K), thứ tự giảm dần đến sáp 2 (Ba quân 2) là thấp nhất.

Liêng là ba quân bài theo hàng dọc liên tiếp nhau. Thứ tự từ cao xuống thấp, Liêng cao nhất là Q, K, A và thấp nhất là A, 2, 3. Trường hợp hai người có Liêng bằng nhau thì sẽ so sánh chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là rô, cơ, pích, nhép.

Ảnh là ba quân bài J, Q, K đều có hình mặt người, nhưng không tạo thành Sáp hoặc Liêng. Trường hợp bài của những người chơi có cùng hai quân mặt người giống nhau và một quân mặt người khác thì ai có hai quân mặt người giống nhau cao hơn thì thắng, trường hợp quân bài giống nhau thì so sánh đến chất. Điểm được tính bằng cách cộng điểm của ba quân bài, ai có điểm cao hơn những người còn lại là thắng. Các quân 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, quân A (át) là 1 điểm. Điểm 9 là cao nhất. Nếu tổng điểm của ba quân bài từ 10 điểm trở lên thì lấy con số ở hàng đơn vị là điểm của người chơi (ví dụ tổng điểm là 13 thì tính là 3 điểm; 25 thì tính là 5 điểm). Trường hợp bằng điểm thì so theo chất, nếu trùng chất thì lại tính quân có chất trùng cao hơn thắng, nhưng không quá 9.

Quá trình đánh bạc, các bị cáo không đặt cược riêng từng người với nhau. Kết thúc ván chơi ai thắng thì chia bài để tiếp tục đánh ván tiếp theo. Quá trình đánh các bị cáo thống nhất mỗi người chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh, riêng bị cáo Bàn Văn N sau khi đánh thua hết số tiền đã bỏ ra trước đó và bị cắt cửa đánh thì bị cáo tiếp tục bỏ ra thêm số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

đánh nhờ bài của bị cáo Lăng Văn Đ (trường hợp nếu ván đó bị cáo Diễm không đặt cược).

Các bị cáo đánh đến 10 giờ 50 phút, ngày 21/7/2020 thì bị tổ công tác công an huyện B bắt quả tang hành vi đánh bạc. Tang vật thu trên chiếu bạc số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng), thu trên người Bàn Văn M số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Lăng Văn Đ 6.110.000đ (Sáu triệu một trăm mười nghìn đồng); Vy Văn T1 1.565.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng); Bàn Văn N 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); Bàn Văn X 1.027.000đ (Một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng); Nguyễn Thành N 3.530.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), thu 05 (năm) chiếc điện thoại di động của Nguyễn Thành N, Vy Văn T1, Bàn Văn N và Lăng Văn Đ và 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 quân.

Ngày 24/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, lệnh tạm giam đối với Lăng Văn Đ, Bàn Văn X, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bàn Văn M, Bàn Văn N, Vy Văn T1, Nguyễn Thành N về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra các bị cáo đều khai nhận hành vi đánh bạc. Các bị cáo khai nhận số tiền thu được trên chiếu bạc 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) là số tiền dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc các bị cáo được lấy tiền lẻ từ trong người ra đổi với tiền chẵn trước mặt để tiếp tục đặt cược và bù tiền cho nhau trong các ván đánh. Tuy nhiên, các bị cáo không nhớ cụ thể đã lấy ra bao nhiêu tiền để đổi và bù, bị cáo Bàn Văn N khai nhận sau khi bị cắt cửa đánh trên người còn 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), sau đó sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đánh nhờ cửa của Lăng Văn Đ, nên số tiền đánh bạc có sự tăng thêm và nhưng không xác định được số tiền của riêng từng bị cáo trong số tiền đánh bạc bị thu giữ. Bị cáo Bàn Văn N thừa nhận 100.000 đồng thu trên người bị cáo là số tiền bị cáo sẽ dùng để đánh bạc.

Đối với số tiền thu trên người các bị cáo Bàn Văn M 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Vy Văn T1 1.565.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng); Bàn Văn X 1.027.00đ (Một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng); Nguyễn Thành N 3.530.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) các bị cáo khai số tiền trên là tiền của bản thân các bị cáo do làm thuê, bán hàng mà có, không sử dụng để đánh bạc vì đã quy ước ai hết số tiền bỏ ra ban đầu thì bị cắt cửa đánh. Riêng bị cáo Lăng Văn Đ khai số tiền bị thu giữ 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng) là của vợ Ngô Thị T đưa cho để đi mua hàng. Do vậy, Cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền trên liên quan đến vụ đánh bạc. Đối với 05 (năm) chiếc điện thoại di động của Nguyễn Thành N, Vy Văn T1, Bàn Văn N và Lăng Văn Đ quá trình điều tra xác định các bị cáo không dùng để liên lạc rủ rê đánh bạc.

Toàn bộ vật chứng gồm: Số tiền thu trên chiếu bạc 7.700.000đ (Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng), và số tiền 12.532.000đ (Mười hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) thu trên người các bị cáo được niêm phong trong 07 (bảy) phong bì thư; 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 quân; 05 (năm) chiếc điện thoại di động

của Nguyễn Thành N, Vy Văn T1, Bàn Văn N và Lăng Văn Đ. Hiện toàn bộ các vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-HS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện B, để xét xử: Các bị cáo Bàn Văn M, Lăng Văn Đ, Vy Văn T1, Bàn Văn N, Bàn Văn X và Nguyễn Thành N về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận biết việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới bất kỳ hình thức là vi phạm pháp luật, do hành vi cố ý vi phạm. Đối với hành vi đánh bạc của 06 bị cáo với số tiền đánh bạc là 7.700.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố 06 bị cáo phạm tội đánh bạc. Căn cứ tính chất, mức độ, vai trò, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân từng bị cáo Kiểm sát viên đề nghị như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Lăng Văn Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 50, Điều 58, Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt các bị cáo Bàn Văn M, Vy Văn T1 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo; các bị cáo Bàn Văn X, Bàn Văn N, Nguyễn Thành N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định.

- Về hình phạt bổ sung, Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản để bảo đảm thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 (Năm mươi hai) quân bài; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc; 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Bàn Văn N; Trả lại số tiền 12.432.000đ (Mười hai triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) cho các bị cáo Vy Văn T1, Bàn Văn X, Nguyễn Thành N, Bàn Văn M và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị T; Trả lại các bị cáo 05 chiếc điện thoại.

Người bào chữa cho bị cáo Lăng Văn Đ nhất trí cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội, nhất trí với phần luận tội của đại diện viện kiểm sát. Việc truy tố bị cáo Lăng Văn Đ là đúng người đúng tội. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra, truy tố xét xử, các bị cáo đều khai nhận việc đánh bạc là tự phát, không có mục đích sát phạt. Bản thân bị cáo Lăng Văn Đ đã được xóa án tích và trước khi bị bắt trong vụ án này đều chấp hành tốt pháp luật tại địa phương do vậy. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức án đối với bị cáo Lăng Văn Đ là 06 tháng tù giam. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại di động, trả lại

cho chị Ngô Thị T số tiền 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng) thu trên người của bị cáo Lăng Văn Đ.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Ngô Thị T tại đơn và tại phiên tòa trình bày số tiền bị cáo Lăng Văn Đ bị thu giữ là tiền chị đưa cho bị cáo đi mua hàng, không liên quan đến hành vi đánh bạc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình điều tra, truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo, là lời khai nhận tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các vật chứng thu được, cụ thể: Trong thời gian từ 09 giờ 50 phút đến 10 giờ 50 phút, ngày 21/7/2020, tại Phòng hát karaoke số 02 dưới tầng hầm nhà ở của bị cáo Bàn Văn M tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các bị cáo Bàn Văn M, Lăng Văn Đ, Nguyễn Thành N, Vy Văn T1, Bàn Văn N, Bàn Văn X có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng”, sát phạt nhau bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thu trên chiếu bạc số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) các bị cáo đều khai nhận đây là số tiền dùng để đánh bạc, bị cáo Bàn Văn N khai nhận số tiền thu trên người bị cáo khi bị bắt 100.000 đồng dùng để đánh bạc. Nên có căn cứ xác định đây là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc với tổng số tiền là 7.800.000 đồng. Các vật chứng khác gồm 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 quân là vật chứng bị thu giữ khi công an bắt quả tang các bị cáo đều thừa nhận đây là dụng cụ để đánh bạc nên có căn cứ xác định đây là vật chứng các bị cáo dùng để đánh bạc. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người đã thành niên, hoàn toàn nhận biết được hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nhưng vẫn cố ý thực hiện nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là đúng. Cần tuyên bố 06 bị cáo phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Trong vụ án bị cáo Bàn Văn M là người gợi ý đánh bạc để xác định người thắng bỏ tiền mua gà về tổ chức ăn uống, và cho sử dụng phòng hát karaoke số 02 tầng hầm nhà ở của bị cáo để mọi người đánh bạc, nhưng không thu tiền địa điểm của mọi người tham gia đánh bạc. Các bị cáo thống nhất cùng nhau đánh bạc, bị cáo Vy Văn T1 là người đi mua bộ tú lơ khơ. Việc sử dụng địa điểm, gợi ý đánh bạc và chuẩn bị dụng cụ (bộ tú lơ khơ) của các bị cáo Bàn

Văn M và Vy Văn T1 là bột phát, không nhằm mục đích hưởng lợi. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm về hình sự về tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc đối với các bị cáo Bàn Văn M, Vy Văn T1 là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân. Có 05 bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các bị cáo Bàn Văn M, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N. Đối với bị cáo Lăng Văn Đ có nhân thân xấu, ngày 09/5/2001, bị Công an huyện B bắt về hành vi đánh bạc. Ngày 22/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 20/10/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng. Ngày 05/9/2013, Tòa án nhân dân huyện B xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt 15 tháng tù. Ngày 25/10/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tuyên y án sơ thẩm. Ngày 30/5/2014, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, xác định đã được xóa án tích.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Bàn Văn M, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N mỗi bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Lăng Văn Đ có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[6] Từ những nhận định đánh giá trên, căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý nghiêm, tương ứng với hành vi, vai trò mức độ phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo lần đầu nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, có sự ăn năn hối cải để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Xem xét, đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy: Do các bị cáo đều quy định số tiền bỏ ra là 1.000.000 đồng để đánh bạc, ai hết thì nghỉ, quá trình đánh bạc các bị cáo đối tiền chẵn và bù cho nhau nên không xác định được mức độ phạm tội của từng người qua số tiền cụ thể của từng bị cáo tham gia đánh bạc. Đối với bị cáo Bàn Văn M là chủ nhà, là người gợi ý dùng hình thức đánh bạc để tổ chức ăn uống, bị cáo Vy Văn T1 là người trực tiếp đi mua bài để cùng đánh bạc tuy không phải vì mục đích hưởng lợi, việc đánh bạc là dựa trên sự nhất trí của tất cả các bị cáo nhưng vẫn thể hiện vai trò tích cực hơn so với các bị cáo khác, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cần xử các bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N chỉ tham gia đánh bạc đơn thuần, đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên cần xử phạt ở mức thấp hơn và tùy vào mức độ phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, vì các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận chấp hành tốt pháp luật và thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ tại nơi cư trú, sau khi phạm tội đã ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, quy định về điều kiện cho hưởng án treo thì các bị cáo có đủ điều kiện. Nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cải tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân chấp hành đúng pháp luật.

[8] Đối với bị cáo Lăng Văn Đ, bị cáo là người có nhân thân xấu như đã phân tích nêu trên, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ. Cho nên xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức được hành vi và lỗi lầm của mình để trở thành người công dân tốt.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc đều có mục đích, động cơ vụ lợi, lẽ ra phải buộc các bị cáo nộp một khoản tiền sung quỹ nhà nước theo khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, kết quả xác minh các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn hoặc không có tài sản để bảo đảm việc thi hành án phạt tiền, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo là có căn cứ.

[10] Đối với yêu cầu trả lại số tiền thu giữ trên người bị cáo Lăng Văn Đ 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng) của người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị T, quá trình xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Lăng Văn Đ khai nhận số tiền bị thu giữ là tiền của vợ - chị Ngô Thị T đưa cho để đi mua hàng là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị Ngô Thị T, đồng thời cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền này được dùng vào mục đích đánh bạc. Do vậy, yêu cầu trả lại số tiền 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng) của chị Ngô Thị T là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về tang vật vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền 7.700.000đ (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc và 100.000 đồng thu trên người bị cáo Bàn Văn N thừa nhận sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu, sung ngân sách nhà nước; Đối với 05 chiếc điện thoại di động của các bị cáo và số tiền thu được trên người bị cáo Bàn Văn M, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Nguyễn Thành N, cơ quan điều tra không chứng minh được liên quan đến hành vi đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo. Đối với tang vật phạm tội là 01 bộ bài 52 quân cần tịch thu tiêu hủy do không có giá trị sử dụng; Trả cho chị Ngô Thị T số tiền 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng).

[12] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

[13] Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đều nhận tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất và xin hưởng án treo.

Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt của Người bào chữa cho bị cáo Lăng Văn Đ là không căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Bàn Văn M, Lăng Văn Đ, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N phạm tội Đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lăng Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn M 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bàn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Văn T1 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vy Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bàn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Thiện Hòa, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn X 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bàn Văn X cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

3. Về tang vật vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) trong phong bì thư số 01, số tiền 100.000 đồng thu trên người bị cáo Bàn Văn N được niêm phong trong phong bì thư số 07.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân.

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thành N 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen xám, ốp lưng bằng nhựa màu trắng; bị cáo Vy Văn T1 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen; bị cáo Bàn Văn N 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đỏ; Trả lại cho bị cáo Lăng Văn Đ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng. Tình trạng các điện thoại đã qua sử dụng. Không kiểm tra chi tiết bên trong.

- Trả lại cho các bị cáo Bàn Văn M 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư số 02; bị cáo Vy Văn T1 1.565.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư số 05; bị cáo Bàn Văn X 1.027.00đ (Một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư số 03; bị cáo Nguyễn Thành N 3.530.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư số 06. Trả lại cho chị Ngô Thị T số tiền là 6.110.000đ (Sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư số 04.

(Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B lập ngày 08/7/2020).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bàn Văn M, Lăng Văn Đ, Vy Văn T1, Bàn Văn X, Bàn Văn N và Nguyễn Thành N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H **B**, T Lạng Sơn;
- Công an H **B**, T Lạng Sơn;
- CCTHADS H **B**, T Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QL và NVLQ đến vụ án;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Khi